

Số: /STNMT-KS

Quảng Ngãi, ngày tháng 11 năm 2023

V/v ý kiến nhận xét hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản đất làm VLSL tại mỏ đất đồi Dốc Cộ và mỏ đất đồi Dốc Cao 02, thuộc TDP Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ

Kính gửi: Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp

Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận 02 hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp tại mỏ đất đồi Dốc Cộ và mỏ đất đồi Dốc Cao 02, thuộc TDP Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ (viết tắt là "Hồ sơ đăng ký") của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp để phục vụ thi công gói thầu số XL2, Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn.

Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập tổ công tác thực hiện việc cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ thi công dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 21/9/2023, Tổ công tác theo Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 chủ trì tiến hành kiểm tra thực địa 02 khu vực trên; trên cơ sở kiểm tra thực địa và hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản vật liệu san lấp tại mỏ đất đồi Dốc Cộ và đất đồi Dốc Cao 02, TDP Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp, các thành viên trong Tổ công tác theo Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 đã có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, sau khi tổng hợp ý kiến của các thành viên, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản vật liệu san lấp tại mỏ đất đồi Dốc Cộ và mỏ đất đồi Dốc Cao 02, TDP Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp về cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại các Công văn: Số 1411/BTNMT-ĐCKS ngày 18/3/2022, số 1711/BTNMT-KSVN ngày 13/4/2023, số 4766/BTNMT-KSVN ngày 20/6/2023, số 5306/BTNMT-KSVN ngày 07/7/2023; hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường

trường tại Công văn số 4079/STNMT-KS ngày 28/7/2023, đảm bảo theo quy định áp dụng cơ chế đặc thù về thủ tục cấp mỏ vật liệu tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội (khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết), các Nghị quyết của Chính phủ: Số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021, số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021, số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022, số 119/NQ-CP ngày 08/9/2022. Tuy nhiên, trong Hồ sơ đăng ký đối với 02 mỏ đất nêu trên của Công ty, về cơ bản còn tồn tại một số nội dung khá giống nhau, do đó cần xem xét, chỉnh sửa, bổ sung thống nhất và chính xác theo quy định:

a) Báo cáo kết quả khảo sát khoáng sản

Nhìn chung, hình thức, bố cục của Báo cáo và các bản vẽ khá phù hợp với Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản. Tuy nhiên còn một số tồn tại cần xem xét, cụ thể:

** Bản lời:*

Toàn bộ Báo cáo cần rà soát, điều chỉnh cụm từ “mỏ đất Dốc Cộ” thành “mỏ đất đồi Dốc Cộ” (Đối với hồ sơ đăng ký mỏ đất đồi Dốc Cộ, TDP Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ) và “mỏ đất Dốc Cao 02” thành “mỏ đất đồi Dốc Cao 02” (Đối với hồ sơ đăng ký mỏ đất đồi Dốc Cao, TDP Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ) theo đúng với tên gọi trong Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 27/7/2022.

- Chương 3: Công tác thăm dò địa chất và các vấn đề bảo vệ môi trường

Mục 3.1.3.4. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu: Đối với mẫu xác định hệ số nở rời của đất cần phải lấy mẫu ngoài hiện trường để xác định hệ số nở rời, có xác nhận của đơn vị tư vấn và Chủ đầu tư.

- Chương 4: Đặc điểm chất lượng và tính chất công nghệ của khoáng sản

Ngoài cơ sở kết quả nghiên cứu tại mỏ cần so sánh với các mỏ lân cận (cùng đối tượng khai thác) đã và đang khai thác, sử dụng để có đánh giá tổng hợp về chất lượng và công nghệ của khoáng sản.

- Chương 6: Công tác tính trữ lượng

Mục 6.2. Luận giải về phương pháp tính trữ lượng được áp dụng: Việc lựa chọn phương pháp mặt cắt song song thẳng đứng để tính trữ lượng đối với mỏ đất đồi Dốc Cộ và mỏ đất đồi Dốc Cao 02 là phù hợp với đặc điểm thân khoáng và diện tích mỏ; tuy nhiên, việc bố trí mạng lưới các công trình khoan chưa

được đảm bảo và phù hợp theo quy định, cụ thể:

+ Đối với mỏ đất đồi Dốc Cộ: Khu vực mỏ có diện tích 20,74 ha, được chia làm 03 khối tính trữ lượng, tuy nhiên cả 04 công trình khoan đều tập trung tại khối K3-122, khoảng cách các lỗ khoan từ 25-40 m, trong khi đó các khối còn lại K1-122 và K2-122 không có lỗ khoan để đánh giá là chưa được phù hợp (theo Bản vẽ số 04. Bình đồ phân khối tính trữ lượng). Các mặt cắt tính trữ lượng trên các tuyến T1, T3, T4 không có các công trình (vét lộ, hào, khoan) không chế nên không có cơ sở để xác định chiều dày thân khoáng.

+ Đối với mỏ đất đồi Dốc Cao 02: Khu vực mỏ có diện tích 4,56 ha, được chia làm 03 khối tính trữ lượng, tuy nhiên cả 03 lỗ khoan khảo sát đều tập trung tại khối K1-122, trong khi các khối K2-122 và K3-122 không có lỗ khoan để đánh giá là chưa được phù hợp (theo Bản vẽ số 4. Bình đồ phân khối tính trữ lượng). Các mặt cắt tính trữ lượng trên các tuyến T1, T3, T4 không có các công trình (vét lộ, hào, khoan) không chế nên không có cơ sở để xác định chiều dày thân khoáng.

Do đó, việc tính trữ lượng khoáng sản đất làm VLSL trên toàn bộ diện tích đối với mỏ đất đồi Dốc Cộ và mỏ đất đồi Dốc Cao 02 là chưa đảm bảo, cần tham khảo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm VLSL để bố trí mạng lưới công trình cho phù hợp, đảm bảo việc đánh giá trữ lượng được chính xác, có độ tin cậy.

* *Bản vẽ:*

- Cần kiểm tra nội dung trên chỉ dẫn với nội dung thể hiện trên các bản vẽ cho thống nhất. Toàn bộ bản vẽ liên quan đến địa hình khu vực mỏ, cần cập nhật lại nền địa hình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định; trên cơ sở đó rà soát lại cao trình khai thác (cost tính trữ lượng) cho phù hợp.

- Bổ sung các Bản vẽ: Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao; bản đồ tài liệu thực tế địa chất, ĐCTV – ĐCCT.

* *Phụ lục kèm theo Báo cáo:*

Bổ sung các Phụ lục: Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản; công tác trắc địa; kết quả tính trữ lượng,...

* *Tài liệu nguyên thủy*

Bổ sung các loại tài liệu nguyên thủy có liên quan theo quy định (*nhật ký địa chất, sổ theo dõi công trình khoan, sổ lấy mẫu các loại,...*).

b) Phương án khai thác:

Thống nhất với phương án đã lập; ngoài ra, cần chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung như sau:

- Trên cơ sở tiến độ thi công của Dự án (Hợp đồng thi công xây dựng), điều chỉnh lại công suất khai thác để phù hợp thời gian thi công.

- Các hạng mục xây dựng ngoài mỏ: Đề nghị chủ đầu tư hoàn thiện thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi đưa mỏ vào hoạt động khai thác theo quy định.

- Về khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực: Có khả năng kết nối thuận lợi với các tuyến đường trong khu vực để vận chuyển sản phẩm. Tuy nhiên, cần phải hoàn thiện hệ thống đường công vụ, cầu tạm.

- Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về đảm bảo an toàn khai thác, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ:

Công tác an toàn trong khai thác: Đã đưa ra một số giải pháp để đảm bảo an toàn trong khai thác trong phương án. Trong quá trình triển khai thực hiện chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan lập biện pháp thi công khai thác hợp lý, phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất mỏ ở từng khu vực nhằm đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và các công trình lân cận.

c) Các nội dung cam kết bảo vệ môi trường:

- Về cơ bản, nội dung cam kết về bảo vệ môi trường trong nội dung Bản đăng ký đã tuân thủ mục III, Phụ lục 01 ban hành kèm theo Văn bản số 1411/BTNMT-ĐCKS ngày 18/3/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường; theo đó, các nội dung đánh giá tác động môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tuy nhiên, còn một số nội dung cần phải chỉnh sửa, bổ sung như sau:

- Đề nghị tư vấn lập báo cáo môi trường bám sát vào nội dung thiết kế cơ sở của mỏ đất để mô tả đường ngoại mỏ, đường nội mỏ, vị trí mở vỉa cho chuẩn xác.

- Mô tả rõ trình tự khai thác chuẩn xác với hồ sơ thiết kế khai thác đã được thiết kế.

- Đề nghị mô tả rõ tọa độ kết thúc từng năm khai thác; phương án thoát nước mưa qua từng năm khai thác; bản đồ kết thúc từng năm khai thác.

- Chưa mô tả lộ trình, quảng đường vận chuyển từ vị trí khai thác đến san lấp; giải pháp giảm thiểu môi trường khi vận chuyển qua khu dân cư (cụ thể đoạn đường tưới nước giảm bụi, đặc biệt các đoạn đường qua khu dân cư).

- Đề nghị mô tả rõ vị trí chứa khối lượng đất bóc tầng phủ dùng để phục hồi môi trường; mô tả rõ khối lượng, chiều dày lớp đất bóc tầng phủ.

- Thống kê số hộ dân bị ảnh hưởng khi dự án tiến hành khai thác, từ đó đề xuất phương án bồi thường, đền bù giải phóng mặt bằng cho đúng quy định.

- Bổ sung giải pháp giảm thiểu tác động nước mưa chảy tràn có cuốn theo đất, đá thải chảy ra môi trường xung quanh khu vực dự án.

- Bổ sung bản vẽ mặt bằng trong đó thể hiện các công trình bảo vệ môi trường, lán trại công nhân (nếu có).

- Đối với chi phí cải tạo phục hồi môi trường: Đề nghị tính toán chuẩn xác lại các chi phí sau:

- + Chi phí trồng cây xanh quanh khu vực moong khai thác.
- + Chi phí vận chuyển đất, san gạt đất từ bãi thải đến vị trí cải tạo phục hồi môi trường.
- + Chi phí cải tạo các hố lắng
- + Chi phí phục hồi bãi thải.
- + Chi phí vận chuyển đất từ khu vực bãi thải đến khu vực moong khai thác.
- + Chi phí gia cố bờ moong.
- + Chi phí duy tu tuyến đường vận chuyển.
- + Chi phí xây dựng hàng rào và lắp đặt biển báo quanh khu vực moong khai thác.

+ Chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng và tính trượt giá của dự án.

+ Qua khảo sát thực tế và nghiên cứu hồ sơ khảo sát địa chất, khu vực dự án có rất nhiều đá tảng lẫn. Do vậy, đề nghị chủ đầu tư phối hợp với tư vấn môi trường đề xuất phương án xử lý để trả lại mặt bằng đảm bảo sau khi kết thúc khai thác, trên cơ sở đó tính toán lại chi phí phục hồi môi trường cho đảm bảo quy định (đề nghị tính toán bám sát theo hồ sơ khảo sát địa chất).

- Trong quá trình khai thác, chủ dự án phải bố trí biển báo, không thực hiện khai thác khi trời mưa và vào mùa mưa. Thực hiện khai thác đảm bảo theo đúng độ cao và quy trình khai công nghệ đã thiết kế nhằm đảm bảo an toàn cho các hộ dân sản xuất, canh tác xung quanh khu vực dự án.

- Bổ sung cam kết thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, vận chuyển và thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc dự án.

- Bổ sung bản đồ hoàn thổ không gian sau khi kết thúc khai thác.

- Tại mục 3.3.1. *Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường*: Chủ đầu tư đưa ra 2 phương án gần như giống nhau, vì vậy không đủ cơ sở để có thể so sánh ưu và nhược điểm của từng phương án nhằm đưa ra kết luận nên chọn phương án nào.

- Tại mục 3.3.5. *Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường* đề nghị chủ đầu tư sửa đổi và bổ sung các nội dung sau:

+ Bổ sung kinh phí đo nối và 2 điểm tọa độ chính vào Chi phí đo vẽ địa hình mở sau khi kết thúc khai thác (C_{dv}).

+ Sửa đổi Chi phí dự phòng và trượt giá từ 6% tổng chi phí thành 10% tổng chi phí.

+ Bổ sung thuế VAT: 10% tổng chi phí.

- Tại điểm b2 mục 3.3.6 đề nghị chủ đầu tư sửa và bổ sung nội dung như sau: “*Theo Khoản b, Điểm 3, Điều 37 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số tiền ký quỹ sau năm khai thác tiếp theo (chưa bao gồm yếu tố trực giá)*”.

- Đề nghị chủ dự án thực hiện ký quỹ đúng theo quy định.

2. Về cơ bản Hồ sơ đăng ký đã nêu được những nội dung cần thiết cho công tác khai thác, cũng như hiệu quả kinh tế của mỏ đất làm VLSS tại mỏ đất đồi Dốc Cộ và mỏ đất đồi Dốc Cao 02, TDP Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; tuy nhiên, còn một số nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi như đã nêu trên để đảm bảo cơ sở trình UBND tỉnh xem xét, cấp phép theo đúng quy định. Ngoài ra, Công ty cần rà soát chỉnh sửa, các lỗi từ ngữ, số liệu, kỹ thuật, lỗi nhận định và các giải pháp chưa phù hợp trong Hồ sơ.

Trên đây là một số ý kiến góp ý cho Hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản vật liệu san lấp tại mỏ đất đồi Dốc Cộ và mỏ đất đồi Dốc Cao 02, TDP Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp để phục vụ thi công gói thầu số XL2, Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Đề nghị đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở TN và MT (b/c);
- Lưu: VT, KS, TNN_(ND309).

Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Trung